TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **387**/2023/QĐST-HNGĐ	*Ninh Hòa, ngày 30 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 631/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trương S** – Sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Bà **Trương D** – Sinh năm: 2001

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương S và bà Trương D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương S và bà Trương D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trương A – sinh ngày 06/3/2020 cho bà Trương D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương S đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Trương S và bà Trương D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trương S và bà Trương D cùng xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

Về án phí: Ông Trương S và bà Trương D mỗi người phải chịu 75.000đ án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông S

tự nguyện nộp thay án phí cho bà D. Tổng cộng số tiền án phí ông S phải nộp là 150.000đ nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng. Hoàn lại cho ông S số tiền 150.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001456 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Yên theo GCNKH số: 50, ngày 19/7/2019;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thùy My